

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Thảo

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thùy D, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 5B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú hiện nay: ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Văn B, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 5B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thùy D trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Phạm Văn B chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy

chứng nhận kết hôn. Chị và anh Phạm Văn B có 01 người con chung tên: Phạm Nhã U, sinh ngày 27/4/2017 hiện nay đang sống chung với chị; về tài sản chung, chị và anh Phạm Văn B không có tranh chấp yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận; về nợ, chị và anh Phạm Văn B không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Phạm Văn B thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, anh Phạm Văn B không quan tâm vợ con, đến tháng 11/2021 anh chị sống ly thân cho đến nay, thời gian khoảng 01 năm nay anh Phạm Văn B có mối quan hệ với người phụ nữ khác, sống không hạnh phúc. Chị thấy, chị và anh Phạm Văn B không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn B. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu giải quyết gì khác.

*\* Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 05/3/2024 của Phạm Nhã U, sinh ngày 27/4/2017 như sau:*

Phạm Nhã U con của anh Phạm Văn B và chị Phạm Thùy D, địa chỉ: ấp 5B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Từ khi cha mẹ của Phạm Nhã U không còn chung sống với nhau thì Phạm Nhã U chung sống với mẹ là chị Phạm Thùy D. Nếu cha và mẹ của Phạm Nhã U ly hôn thì Phạm Nhã U có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Phạm Thùy D và cam kết chịu trách nhiệm lời trình bày của mình.

*\* Tại Biên bản xác minh ngày 15 tháng 01 năm 2024, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Phạm Thùy D và anh Phạm Văn B, cư trú ấp 5B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn về làm ăn kinh tế trong gia đình và sống ly thân, anh Phạm Văn B đi làm ăn thỉnh thoảng có về nhà.

*\* Bị đơn anh Phạm Văn B:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Phạm Văn B biết để anh có ý kiến về việc chị Phạm Thùy D yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh nhưng anh Phạm Văn B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Phạm Thùy D (Bản sao); Trích lục kết hôn chị Phạm Thùy D và anh Phạm Văn B số: 121/TLKH-BS ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân

xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Giấy khai sinh tên Phạm Nhã U (Bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú của số: 000175/XN ngày 28/9/2023 của Công an xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Trình bày nguyện vọng ngày 05/3/2024 của Phạm Nhã U, sinh ngày 27/4/2017 (Bản chính).

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Phạm Thùy D yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn B. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh Phạm Văn B cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phạm Văn B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Phạm Thùy D yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn B và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Phạm Thùy D được ly hôn với anh Phạm Văn B. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị cho chị Phạm Thùy D tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Phạm Thùy D không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Phạm Thùy D tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thùy D yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn B và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: Xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn B biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Phạm Thùy D khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Phạm Văn B nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Phạm Văn B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phạm Văn B nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thùy D không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Phạm Thùy D và anh Phạm Văn B chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 77 ngày 21 tháng 6 năm 2016, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Phạm Thùy D được ly hôn với anh Phạm Văn B, quá trình chung sống chị và anh Phạm Văn B thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, anh Phạm Văn B không quan tâm vợ con, đến tháng 11/2021 anh chị sống ly thân cho đến nay và thời gian khoảng 01 năm nay, anh Phạm Văn B có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị thấy, chị và anh Phạm Văn B không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn B, nhưng anh Phạm Văn B không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Phạm Thùy D yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thùy D cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thùy D, cho chị Phạm Thùy D được ly hôn với anh Phạm Văn B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Phạm Thùy D và anh Phạm Văn B có 01 người con chung tên: Phạm Nhã U, sinh ngày 27/4/2017 hiện nay đang sống chung với chị Phạm Thùy D. Khi ly hôn, chị Phạm Thùy D yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung, anh Phạm Văn B không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời người con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Phạm Thùy D, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại, có nguyện vọng chung sống với chị Phạm Thùy D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Phạm Thùy D và nguyện vọng của con anh chị, giao người con chung của anh chị tên: Phạm Nhã U, sinh ngày 27/4/2017 cho chị Phạm Thùy D được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Phạm Thùy D không yêu cầu anh Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Phạm Thùy D tự xác định, chị và anh Phạm Văn B không có tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thùy D được ly hôn với anh Phạm Văn B.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên: Phạm Nhã U, sinh ngày 27/4/2017 cho chị Phạm Thùy D được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị và hiện nay đang chung sống với chị Phạm Thùy D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thùy D không yêu cầu anh Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Phạm Thùy D tự xác định, chị và anh Phạm Văn B không có tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Phạm Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009123 ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Phạm Thùy D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 07/5/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã N, huyện AB, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thảo**